



Số : /VTHT – KTTKTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2014

A. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

Tên tổ chức niêm yết :	CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ TIÊN
Tên tiếng Anh :	HATIEN TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt :	VẬN TẢI HÀ TIÊN
Mã chứng khoán :	HTV
Địa chỉ :	Km 7 Xa lộ Hà Nội – Q. Thủ Đức – TP HCM
Điện thoại :	08.38978924 – Fax : 08.38966169
Email :	info@vantaihatien.com.vn
Website :	www.vantaihatien.com.vn
Vốn điều lệ :	100.800.000.000 VND
Ngành nghề kinh doanh :	<ul style="list-style-type: none">- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho đường thủy; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.- Bốc xếp hàng hóa.- Cung ứng và quản lý nguồn lao động.
Giấy CNĐKKD:	<ul style="list-style-type: none">- Số 4103000047 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2000 - Số 0301975289 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 08 năm 2013.

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

1.1. Việc thành lập :

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên tiền thân là Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Xi măng Hà Tiên 1.

1.2. Chuyển đổi sở hữu :

Theo quyết định số 24/2000/QĐ-TTg ngày 21/01/2000 của Thủ tướng Chính phủ, Xí nghiệp Vận tải chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

- Vào ngày 07/04/2000, Đại hội Cổ đông thành lập của Công ty Cổ phần Vận tải Hà

Tiên được tiến hành, đã thông qua “Điều lệ tổ chức và hoạt động” của Công ty, bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

- Vào ngày 24/04/2000, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000047.

- Cấp thay đổi lần thứ nhất vào ngày 01 tháng 06 năm 2007 cho Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên, với chức năng hoạt động chính của Công ty: kinh doanh vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật.

- Cấp thay đổi lần hai vào ngày 15 tháng 04 năm 2009, tăng vốn điều lệ từ 48 tỷ đồng lên 100,8 tỷ đồng.

- Cấp thay đổi lần năm vào ngày 28 tháng 08 năm 2013, với chức năng hoạt động chính của Công ty: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; cung ứng và quản lý nguồn lao động.

1.3. Niêm yết :

Theo Quyết định số 41/UBCK–GPNY ngày 07/12/2005, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã quyết định chính thức cấp phép niêm yết cho Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên. Sau đó, theo Thông báo số 791/TTGDHCM–NY ngày 27/12/2005 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, ngày 05/01/2006 Công ty chính thức giao dịch 4.800.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, với mã chứng khoán HTV.

- Theo Quyết định số 194/UBCK–GCN ngày 15/10/2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được chào bán thêm 5.280.000 cổ phiếu ra công chúng.

- Ngày 11/01/2008 Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM đã ra thông báo số 34/TB-SGDHCM v/v niêm yết và giao dịch bổ sung 5.280.000 cổ phiếu phát hành thêm.

2. Quá trình phát triển:

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ngày một khẳng định là một trong những công ty vận tải thủy lớn nhất khu vực phía Nam. Mặt hàng vận chuyên chủ yếu của Công ty là: clinker, thạch cao, đá phụ gia, than đá... cho các khách hàng lớn như Công ty CP Vicem Hà Tiên, Công ty Xi măng Holcim, Công ty Xi măng Fico ... Ngoài ra, Công ty còn tham gia vận chuyên cho một số khách hàng khác trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

3. Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty & chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty trong năm 2014 :

Năm 2014 là năm đầy bất ổn với kinh tế thế giới, một số nước trong khu vực đồng tiền chung Châu Âu vẫn tiếp tục lún sâu vào khủng hoảng, hầu hết các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản... đều phải đối mặt với nguy cơ suy giảm tăng trưởng.

- Trước những khó khăn trên, nhằm duy trì ổn định công ăn việc làm cho CBCNV, Ban Tổng Giám đốc Công ty chủ trương giữ ổn định các tuyến hoạt động truyền thống, tăng cường tiết kiệm chi phí, sử dụng nhiên liệu hiệu quả, rà soát công tác duy tu, sửa chữa hợp lý và tiết kiệm.

- Tiếp tục củng cố và giữ quan hệ bền vững với khách hàng truyền thống, không ngừng tìm kiếm khách hàng mới để mở rộng thị trường vận chuyển hàng hoá khác.
- Ngoài ra, để khai thác triệt để các tuyến đường thủy một cách có hiệu quả, Công ty vẫn đang tiếp tục tái cấu trúc phương tiện, thanh lý những sà lan đã xuống cấp, hư hỏng nhiều, không phù hợp và đầu tư mua mới một số sà lan có tải trọng lớn, phù hợp với những tuyến vận chuyển có cung đường dài.
- Trong năm 2014, Công ty CP Vận Tải Hà Tiên đã xây dựng kế hoạch vận chuyển 4.296.900 Tấn/năm tăng 2,45% so với năm 2013.
- Về công tác điều hành quản lý phương tiện, công ty đã tăng cường công tác điều độ, điều tiết phương tiện để hạn chế đến mức tối thiểu việc thuê ngoài vận chuyển. Chỉ thuê ngoài trong các trường hợp đặc biệt do yêu cầu khẩn cấp về thời gian bốc hàng, giải phóng phương tiện cũng như các móm nước không phù hợp với phương tiện vận hành của Công ty.
- Hợp tác với Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (CFC) khai thác tàu biển để vận chuyển nguyên liệu sản xuất xi măng bằng đường biển từ cảng TP. Hồ Chí Minh đi Trạm nghiên Xi măng Hòn Quy, Cam Ranh và một số nơi khác.
- Định biên lại nhân sự các phòng ban nghiệp vụ để đạt hiệu quả hơn. Bên cạnh đó đào tạo lại đội ngũ nhân viên hiện có để có thể đảm nhận được những công việc mới cũng như làm tốt hơn công việc hiện tại.
- Áp dụng chính sách khoán tiền lương và chế độ khen thưởng thích hợp đối với người lao động, nhằm nâng cao năng suất lao động của cán bộ công nhân viên trong Công ty.
- Trong năm 2014, Công ty sẽ đẩy mạnh việc khai thác triệt để công suất vận chuyển và nguồn nhân lực của Công ty để hoàn thành kế hoạch đề ra.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Những nét nổi bật năm 2013:

- Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2013.
- Trên cơ sở phương hướng, nhiệm vụ năm 2013 đã được Đại hội Cổ đông thường niên năm 2013 thông qua, Hội đồng Quản trị thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và có những chỉ đạo cụ thể nhằm hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2013.
- Chủ trương định biên lại nhân sự các phòng ban nghiệp vụ cho gọn nhẹ, hiệu quả hơn, tăng cường nguồn nhân lực chất lượng cao để đảm nhận được những công việc mới cũng như làm tốt hơn công việc hiện tại.
- Hoàn thành việc thanh toán cổ tức năm 2012 với tỷ lệ 20% vào quý IV/2013.
- Phê duyệt phương án chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013.
- Phê duyệt phương án vay vốn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chỉ đạo thực hiện hợp tác với Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (CFC) để quản lý, khai thác tàu biển, mở ra hướng đi mới cho Công ty.
- Giao Ban Tổng Giám đốc tiếp tục triển khai kế hoạch tái cấu trúc phương tiện, bao gồm bán thanh lý sà lan cũ và mua mới sà lan trên 1.000T để phục vụ vận chuyển

tuyển Kiên Lương đi TP. Hồ Chí Minh.

► Ngoài năng suất, chất lượng, hiệu quả, vấn đề tiết kiệm giảm chi phí, giảm định mức nhiên liệu cho từng tuyến vận chuyển luôn được Hội đồng Quản trị quan tâm, đây là yếu tố chính để giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh của Vận tải Hà Tiên.

► Phê duyệt thực hiện Hợp đồng nguyên tắc Hợp tác phát triển Dự án khu phức hợp nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ tại khu đất Km7 Xa lộ Hà Nội, phường trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

2. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2013:

Năm 2013 tiếp tục bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, tình hình lạm phát trong nước vẫn còn cao, tỷ giá USD nhiều biến động bất thường, khách hàng lớn của Công ty còn nhiều khó khăn nên công nợ phải thu chiếm tỷ trọng rất lớn, ảnh hưởng tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thêm vào đó giá nhiên liệu luôn biến động tăng làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới giá cước vận chuyển. Trong bối cảnh chung đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các giải pháp sau :

► Chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện nghiêm túc và triệt để các chủ trương của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, với tiêu chí: tiết kiệm chi phí, đảm bảo tăng vòng quay phương tiện, tăng doanh thu, duy trì và đảm bảo đời sống ổn định lâu dài cho CBCNV.

► Tăng cường quan hệ chặt chẽ với khách hàng truyền thống như : Công ty CP Vicem Hà Tiên, Xi măng Holcim, Xi măng Fico Tây Ninh,... đảm bảo uy tín, vận chuyển hàng hóa đến nơi an toàn, đúng tiến độ. Luôn khẳng định thương hiệu Vận tải Hà Tiên, xây dựng niềm tin đối với khách hàng mới, khách hàng tiềm năng.

► Bám sát, nắm bắt kịp thời các thông tin thị trường, đối thủ cạnh tranh để đưa ra giải pháp tối ưu nhất.

► Năm 2013, Công ty đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như sau :

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2013	THỰC HIỆN NĂM 2013	TỶ LỆ TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	đ	194.172.698.000	204.244.821.098	105,19
2	LN từ hoạt động vận tải	-	14.217.266.286	24.682.741.617	173,61
3	LN từ hoạt động tài chính	-	5.000.000.000	5.519.375.379	110,39
4	LN khác	-	3.000.000.000	7.815.041.757	260,50
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	-	22.217.266.286	38.017.158.753	171,12
6	Thuế TNDN	đ	5.554.316.572	10.087.095.475	181,61
	Thuế TNDN hoãn lại	đ		88.660.000	
7	Tổng lợi nhuận sau thuế	-	16.662.949.714	28.018.723.278	168,15
8	Chi trả cổ tức	%	10	10	

+ Doanh thu năm 2013 tăng 5,19% so với kế hoạch, tương ứng với giá trị tăng 10.072.123.098 đồng, do Công ty đã kịp thời huy động đủ phương tiện trên thị trường

để đáp ứng nhu cầu tăng sản lượng của khách hàng. Ngoài ra Công ty cũng đã đầu tư mua mới 04 sà lan có tải trọng trên 1.000 tấn để phục vụ tuyến vận chuyển từ Nhà máy XM Kiên Lương về TP Hồ Chí Minh và ngược lại. Đây là nhân tố chính làm tăng lợi nhuận từ hoạt động vận tải 73,61% so với kế hoạch.

+ Công ty đã tổ chức tốt việc bán thanh lý sà lan cũ, mang về khoản thu nhập khác 7,8 tỷ đồng. Do đó, lợi nhuận sau thuế đã hoàn thành và vượt mức kế hoạch 68,15% .

+ Việc chi trả cổ tức năm 2013, Công ty đang chờ ý kiến quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

+ Với tổng số 34 sà lan có tổng trọng tải trên 45.000 tấn, trong đó có 29 sà lan có tải trọng trên 1.000 tấn và đội ngũ thuyền viên có kinh nghiệm về vận chuyển, Công ty đã khẳng định thương hiệu Vận tải Hà Tiên (HTV), phát triển liên tục không ngừng và bền vững trên lĩnh vực vận tải thủy nội địa khắp các tỉnh miền Tây và Đông Nam Bộ.

+ Tiến hành ký Hợp đồng hợp tác với Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (CFC) khai thác tàu biển để vận chuyển nguyên liệu sản xuất xi măng bằng đường biển từ cảng TPHCM đi Trạm nghiền XM Hòn Quy, Cam Ranh và một số nơi khác, mở thêm một con đường mới trong định hướng phát triển của thương hiệu Vận tải Hà Tiên.

3. Định hướng nhiệm vụ năm 2014:

Năm 2014, kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, tốc độ tăng trưởng ở những nước phát triển là chậm và ở mức thấp. Cuộc khủng hoảng nợ công của khu vực đồng Euro và thâm hụt ngân sách cao ở nhiều nước, bất ổn chính trị tại Châu Á và Châu Âu làm giá nhiên liệu tăng liên tục... , là những yếu tố bất lợi, tác động tiêu cực đến nền kinh tế trong nước.

Ngoài ra, do Nhà nước thắt chặt tiền tệ, kiềm chế lạm phát, bất động sản và ngành xây dựng còn gặp rất nhiều khó khăn mặc dù đã có một số chuyển biến từ chính sách vĩ mô đối với ngành bất động sản. Bên cạnh đó, giá nhiên liệu, nguyên vật liệu... luôn biến động tăng là những nguyên nhân làm cho chi phí giá thành vận chuyển tăng cao.

Trước tình hình đó, Công ty đã xây dựng kế hoạch năm 2014 trên cơ sở :

➤ Tiếp tục củng cố, phát huy uy tín và sự tận tâm với khách hàng truyền thống như: Công ty CP Vicem Hà Tiên, Xi măng Holcim, Xi măng Fico Tây Ninh..., chủ động tìm tòi những luồng lạch mới có cự ly ngắn hơn để chở hàng đến nơi an toàn và đảm bảo đúng tiến độ.

➤ Đẩy mạnh việc vận chuyển bằng đường biển thông qua việc hợp tác khai thác tàu biển của CFC và tiến hành môi giới tàu biển. Thực hiện tốt công tác quản lý các mặt hoạt động SXKD của Công ty theo sát với tình hình thực tế và đạt hiệu quả cao nhất.

➤ Tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán lương đối với khối lao động trực tiếp theo hướng gắn thu nhập với hiệu quả và khối lượng công việc. Dùng tiền lương làm đòn bẩy trong công việc, thúc đẩy tăng năng suất lao động và nâng cao hiệu quả.

➤ Năm 2014, Hội đồng Quản trị chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc khai thác triệt để tuyến luồng lạch từ XM Kiên Lương về Trạm nghiền Thủ Đức, Phú Hữu, Long An... vì những tuyến này có khối lượng hàng hóa lớn, là đầu mối giao thương hàng hoá đi các nơi trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Để đáp ứng nhu cầu vận chuyển trên, Hội đồng Quản trị quyết nghị cho Ban Tổng Giám đốc bán thanh lý những sà lan công suất nhỏ, hiệu quả kém và đầu tư mua mới sà lan có tải trọng lớn phù hợp với luồng lạch từ

Kiên Lương về khu vực cảng TPHCM.

➤ Dù nhiệm vụ trước mắt sẽ còn nhiều khó khăn, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể công nhân lao động trong Công ty quyết tâm thực hiện thành công kế hoạch năm 2014 với chỉ tiêu dự kiến như sau :

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2013	KẾ HOẠCH NĂM 2014	TỶ LỆ KH/TH 2013 (%)
1	Sản lượng	Tấn	4.194.267	4.296.900	102,45
2	Doanh thu	Đ	204.244.821.098	220.675.817.750	108,04
3	Lợi nhuận trước thuế	-	38.017.158.753	23.465.536.684	61,72
4	Lợi nhuận sau thuế	-	28.018.723.278	18.303.118.614	65,33
5	Tỷ lệ cổ tức	%	10	10	

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC :

1. Báo cáo tình hình tài chính :

Kết quả tài chính năm 2013 của Công ty được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2012	THỰC HIỆN NĂM 2013
1	Vốn điều lệ	Đồng	100.800.000.000	100.800.000.000
2	Sản lượng	Tấn	3.677.511	4.194.267
3	Doanh thu	Đồng	159.166.784.846	204.244.821.098
4	Giá vốn hàng bán	-	133.548.188.168	168.245.775.419
5	Lợi nhuận trước thuế	-	53.151.472.016	38.017.158.753
6	Thuế TNDN hiện hành	-	13.426.861.904	10.175.755.475
7	Lợi nhuận sau thuế	-	39.724.610.112	28.018.723.278
8	LN trước thuế / DT thuần	%	33,39	18,61
9	LN trước thuế / vốn chủ sở hữu	-	20,75	14,54
10	LN trước thuế / tổng tài sản	-	17,91	10,86
11	Chỉ số PE	lần	3,25	5,58
12	Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	%	62,76	70,21
13	Tài sản dài hạn/ tổng tài sản	-	37,24	29,79
14	Nợ phải trả / tổng nguồn vốn	-	13,67	25,34
15	Vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn	-	86,33	74,66
16	Nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu	-	15,84	33,93

17	Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	lần	4,59	2,78
----	---------------------------------	-----	------	------

Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với thực hiện năm 2013 :

- Sản lượng đạt 4.194.267 tấn, hoàn thành vượt mức 114,05% so với năm 2012.
- Tổng doanh thu đạt 204,244 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức 128,32% so với năm 2012 và bằng 105,19% so với kế hoạch.

- Công ty đã tăng cường phương tiện thuê ngoài để đáp ứng kịp thời nhu cầu khách hàng, đồng thời mạnh dạn tái cấu trúc phương tiện và đầu tư mua mới 04 sà lan có tải trọng trên 1.000 T, tăng cường cho tuyến Kiên Lương – TP.HCM và ngược lại. Do bất động sản đóng băng vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục, tốc độ xây dựng bị đình trệ dẫn đến việc sản xuất, tiêu thụ xi măng và các loại VLXD gặp nhiều khó khăn, do đó nhu cầu vận chuyển nguyên vật liệu cho các nhà máy sản xuất xi măng cũng giảm sút, ảnh hưởng đến sản lượng & doanh thu của Công ty.

- Lợi nhuận sau thuế của Công ty đã hoàn thành vượt mức 168,15% so với kế hoạch. Nguyên nhân do Công ty đã tổ chức tốt việc chuyên tuyến hoá để điều phối phương tiện hiệu quả làm tăng doanh thu vận tải, đồng thời chọn đúng thời điểm để bán thanh lý một số sà lan có công suất nhỏ, đã khấu hao hết, dẫn đến lợi nhuận năm nay tăng.

- Công ty đã làm tốt công tác tiếp thị, tìm kiếm, bổ sung nguồn hàng mới, kết hợp với việc duy trì mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng truyền thống.

- Tinh giảm biên chế, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên khối gián tiếp, từng bước tổ chức lại về con người cũng như phương tiện cho phù hợp.

- Thường xuyên giám sát chặt chẽ việc điều động phương tiện phù hợp luồng tuyến, khối lượng hàng hoá thực chở, đôn đốc các đơn vị bốc xếp để nhanh chóng giải phóng phương tiện, tăng vòng quay.

- Rà soát định mức nhiên liệu, thực hành tiết kiệm, tăng cường công tác giám sát tình trạng kỹ thuật, giảm chi phí sửa chữa đến mức thấp nhất có thể mà vẫn đảm bảo an toàn cho phương tiện là vấn đề được Ban Tổng Giám đốc quan tâm thường xuyên.

- Thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định pháp luật hiện hành, đặc biệt dùng chế độ đãi ngộ người lao động có tâm huyết với Công ty.

Nhìn chung, năm 2013 Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, bảo đảm tăng thu nhập cho người lao động cũng như chi trả cổ tức cho các cổ đông kịp thời và vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 :

Trong bối cảnh nền kinh tế chưa thoát khỏi khủng hoảng, tình hình lạm phát tăng cao, giá các mặt hàng chủ lực (điện, xăng dầu...) tăng liên tục, lãi suất vay Ngân hàng có giảm nhưng không đáng kể, các doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn vay, nên hầu hết các doanh nghiệp không có điều kiện mở rộng sản xuất.

Năm 2014 là năm đầy khó khăn, Ban Tổng Giám đốc Công ty đề ra chỉ tiêu chủ

yếu như sau :

- Sản lượng	: 4.296.900 tấn
- Doanh thu	: 220.675.817.750 đồng
- Lợi nhuận trước thuế	: 23.465.536.684 đồng
- Lợi nhuận sau thuế	: 18.303.118.614 đồng

Sau đây là phương châm, nhiệm vụ được Ban lãnh đạo Công ty đặt ra để hoàn thành các mục tiêu trên :

- ▶ Tiếp tục duy trì mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng truyền thống, triển khai công tác tiếp thị, mở rộng thị trường vận chuyển, tìm kiếm nguồn hàng mới. Cố gắng kết hợp hàng hai chiều đối với những tuyến đường dài.
- ▶ Đầu tư mua mới sà lan tự hành tải trọng trên 1.000 tấn, chuyên dùng vận chuyển tuyến từ Kiên Lương đi các cảng TP.HCM và ngược lại.
- ▶ Tiếp tục hợp tác với Công ty Tài chính CP Xi măng (CFC) trong việc quản lý, khai thác 02 tàu biển có tổng trọng tải trên 6.000 DWT, nhận bàn giao thêm 01 tàu biển trọng tải 3.000 DWT đưa vào khai thác vận chuyển nguyên liệu sản xuất xi măng bằng đường biển từ cảng TPHCM đến Trạm nghiền Xi măng Hòn Quy – Cam Ranh và các tuyến nội địa trong nước. Tích cực tham gia mở rộng thị trường môi giới tàu biển.
- ▶ Tiết kiệm chi phí tiếp nhận hàng hoá, chi phí gom vét; giảm định mức nhiên liệu phù hợp với từng cung đường.
- ▶ Tăng cường công tác giám sát các phương tiện, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra khối lượng vận chuyển, thời gian hành thủy nhằm tăng nhanh vòng quay phương tiện, nâng cao hiệu quả.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc năm tài chính, sau khi được kiểm toán., Công ty đã lập các báo cáo tài chính theo đúng các biểu mẫu quy định của Bộ Tài Chính và theo đúng các chuẩn mực kế toán hiện hành :

Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2013.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

(Đính kèm các báo cáo tài chính của năm 2013 nêu trên).

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Ý kiến của cơ quan kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2013. Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty : Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nắm giữ 50.479.700.000 đồng, chiếm tỷ lệ 50.08% vốn điều lệ Công ty.
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần do Công ty nắm giữ: không có.
- Tình hình đầu tư vào các công ty liên quan: không có.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty :

Công ty được quản lý và điều hành theo cơ cấu tổ chức gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông

+ Hội đồng Quản trị & Ban Kiểm soát

+ Ban Tổng Giám đốc (Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc)

° Đại hội cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

° **Đại hội đồng cổ đông** : là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông uỷ quyền. Đại hội đồng Cổ đông có quyền và nhiệm vụ như sau:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát & HĐQT.
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát thông qua việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.
- Quyết định tăng giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán tài sản không còn sử dụng.

° **Hội đồng Quản trị** gồm 05 thành viên, trong đó có 1 thành viên là Tổng Giám đốc Công ty, HĐQT là đơn vị quản lý cao nhất Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. HĐQT hoạch định chiến lược chung, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng phòng. Hiện nay HĐQT có 4 thành viên không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Hàng quý HĐQT tổ chức họp để rà soát các chỉ tiêu thực hiện của Công ty quý vừa qua và đưa ra phương hướng hành động của quý tiếp theo.

Trong năm 2013, các thành viên đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể là HĐQT đã tổ chức 01 kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 và 04 cuộc họp HĐQT định kỳ để trực tiếp kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động và đưa ra chỉ đạo kịp thời. Vì đa phần các thành viên trong HĐQT là thành viên không trực tiếp điều hành Công ty, nên các công việc cần phê duyệt bởi HĐQT đã được các thành viên ra Quyết định bằng các Nghị quyết luân

chuyên. Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT và trên cơ sở vì lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển chung của Công ty.

◦ **Ban Kiểm soát** gồm 03 thành viên không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Là bộ phận tham gia những ý kiến cụ thể cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

- Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội Cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực về mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong công tác tổ chức kế toán thống kê và lập Báo cáo tài chính.

- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Công ty, báo cáo công tác quản lý của Hội đồng Quản trị.

- Trình báo cáo hoạt động của Công ty trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- Và là nơi đáng tin cậy trong việc quản lý vốn cho các cổ đông.

◦ **Tổng Giám đốc** là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty.

- Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các hợp đồng khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng Quản trị, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp cho người lao động trong Công ty.

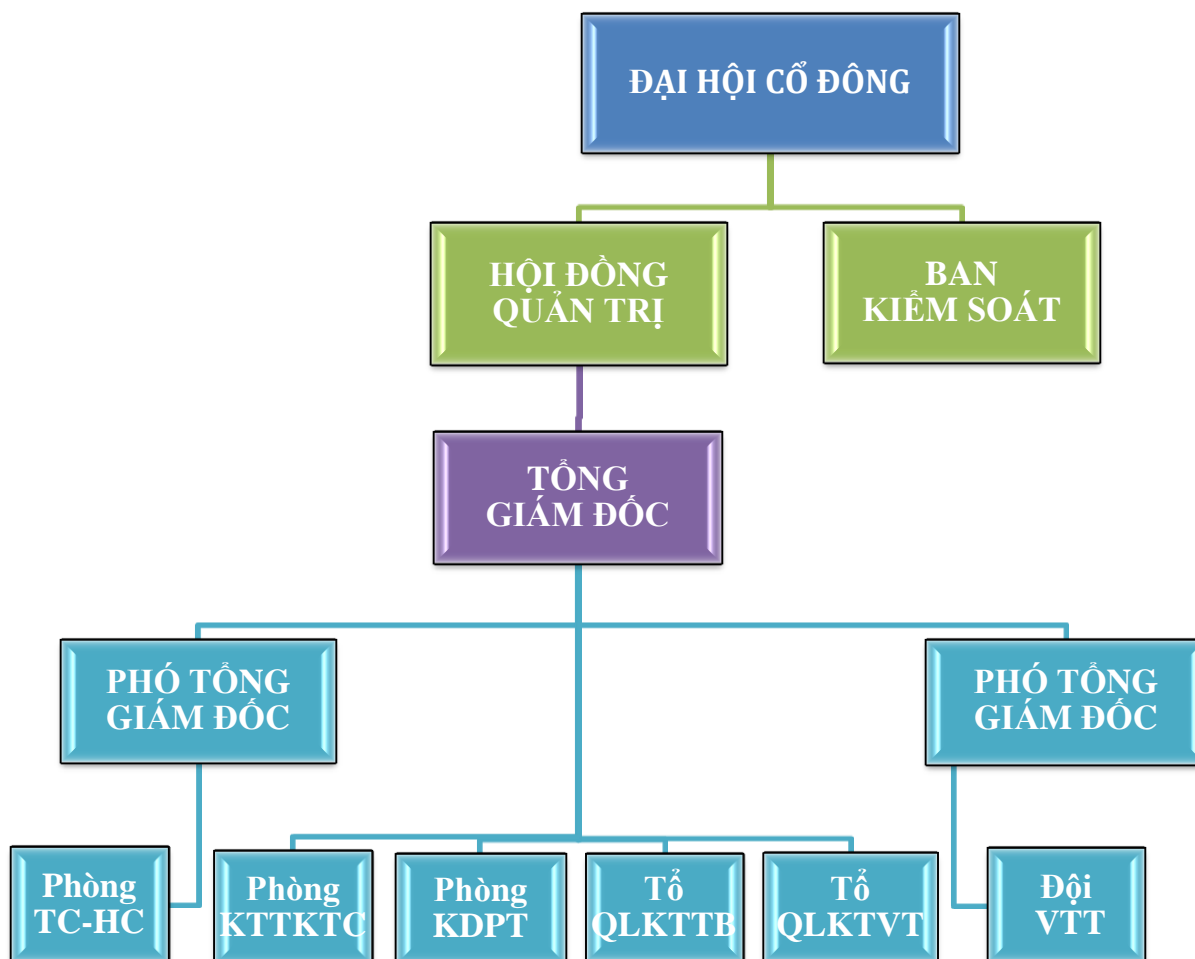
- Là người chịu trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của UBCK Nhà Nước.

- Căn cứ Giấy phép Đăng ký Kinh doanh, Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

◦ **Các Phó Tổng Giám đốc** là những người phụ giúp Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được giao.

◦ **Kế toán trưởng** là người tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác quản lý tài chính – thống kê - kế toán của đơn vị. Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tính thực hiện các chế độ quản lý tài chính của Công ty.

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty:



Tóm tắt lý lịch các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc:

1 / Ô. ĐỖ VĂN HUÂN, Tổng Giám đốc

Sinh ngày 08/04/1981

Địa chỉ : 1/2/28 đường D3- Phường 25 – Quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế vận tải biển

2 / Ô. TRƯƠNG CÔNG BẢO, Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 31/03/1955

Địa chỉ : 6/7/12 đường Tân Hóa, Phường 1, Q.11, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí.

3 / Ô. ĐẶNG THÀNH KẾT, Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 30/04/1956

Địa chỉ : 56 A tổ 9, Khu phố Bến Cát, Phường Phước Bình, Q.9, TP. Hồ Chí Minh

4 / Ô. TRẦN MINH HUY, Kế toán Trưởng

Sinh ngày 01/01/1957

Địa chỉ : 229/135 đường Thích Quảng Đức, Phường 4, Q. Phú Nhuận – TP.HCM

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc (tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác):

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG, THƯỞNG NĂM 2013 (đ)	GHI CHÚ
1	Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc	592.200.493	
2	Nguyễn Thành Kết	Phó Tổng Giám đốc	472.670.148	
3	Trương Công Bảo	Phó Tổng Giám đốc	531.735.600	
4	Trần Minh Huy	Kế toán Trưởng	384.893.670	
	CỘNG		1.981.499.911	

2. Số lượng lao động và các chính sách đối với người lao động :

Đội ngũ cán bộ, công nhân lao động (tính đến 31/12/2013):

Tổng số: 211 người (tăng 19 người so với năm 2012)

Trong đó :

Trực tiếp: 172 người, chiếm tỷ lệ 81,5%

Gián tiếp: 39 người, chiếm tỷ lệ 18,5%

Trong đó:

- Trên đại học: 3 người, chiếm tỷ lệ 1,42%

- Đại học và Cao đẳng: 21 người, chiếm tỷ lệ 9,95%

- Trung học chuyên nghiệp: 5 người, chiếm tỷ lệ 2,37%

- CNKT & LĐPT: 182 người, chiếm tỷ lệ 86,26%

Các chính sách đối với người lao động :

➤ Chính sách tiền lương :

Áp dụng trả lương theo chức danh và tính chất từng công việc. Công ty thực hiện chi trả lương cho CBCNV đúng và đầy đủ theo Quy chế lương trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

➤ Chính sách tiền thưởng :

Thực hiện thưởng cho CBCNV trên cơ sở lương chức danh công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

➤ Các chế độ chính sách khác đối với người lao động :

Thực hiện đầy đủ chế độ phúc lợi cho người lao động như: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ trợ cấp cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức thăm hỏi động viên gia đình người lao động hoặc thân nhân người lao động bị ốm đau, bệnh tật, tử tuất...

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của luật Lao động.

VIII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY :

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Thành phần Hội đồng Quản trị gồm 5 thành viên:

- Ô. Trần Việt Thắng, Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập
- Ô. Nguyễn Tuấn Anh, Ủy viên HĐQT, thành viên độc lập
- Ô. Đỗ Văn Huân, Ủy viên HĐQT, thành viên kiêm Tổng Giám đốc
- Ô. Phạm Văn Thông, Ủy viên HĐQT, thành viên độc lập
- Ô. Nguyễn Minh Ngọc, Ủy viên HĐQT, thành viên độc lập.

Ban Kiểm soát gồm :

- B. Nguyễn Thị Kim Dung, Trưởng ban, thành viên độc lập
- Ô. Phạm Thế Nghĩa, Ủy viên, thành viên độc lập
- B. Nguyễn Thị Huệ, Ủy viên, thành viên độc lập

Căn cứ Nghị quyết HĐQT họp ngày 15/03/2013 v/v bổ nhiệm Ông Đỗ Văn Huân là thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Tổng Giám đốc thay Ông Nguyễn Tuấn Anh kể từ ngày 22/03/2013.

Tóm tắt lý lịch Ông Đỗ Văn Huân – Tổng Giám đốc

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 08/04/1981
Nơi sinh : Thái Bình
Số CMND : 151291700 cấp ngày 04/03/2014 tại Thái Bình
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Xã An Ninh, huyện Tiền Hải - tỉnh Thái Bình
Địa chỉ thường trú : 1/2/28 đường D3, P.25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại liên lạc : 0904434757
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác :

- Từ năm 2006 - 2009 : Công tác tại Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Quốc tế ITC. Các chức danh đã kinh qua: Trưởng phòng đại lý tàu biển; Trưởng phòng khai thác tàu biển; Phó Giám đốc.
- Từ năm 2009 - 2010 : Chuyên viên phòng đại lý tàu biển Công ty Cổ phần Gemadept.
- Từ năm 2010 - 2011 : Phó phòng khai thác tàu biển Vinalines Hồ Chí Minh.
- Từ năm 2011 - 2012 : Giám đốc vận tải bộ Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế ITC
- Từ 20/04/2012 - 31/01/2013 : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận Tải Hà Tiên.
- Từ 01/02/2013 - 21/03/2013 : Thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên.
- Từ ngày 22/ 03/ 2013 : Thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên.

Chức vụ công tác hiện nay tại TCNY : Thành viên Hội đồng Quản trị, giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên

Chức vụ hiện nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm 22/03/2014:

- Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược) sở hữu: 1.305.200 CP, chiếm tỷ lệ 12, 95% /VĐL
- Cá nhân sở hữu : 2.000 CP, chiếm tỷ lệ 0,02% /VĐL

2. Mức thù lao của HĐQT, BKS Công ty trong năm 2013 được tổng hợp như sau :

Ô. Trần Việt Thắng,	Chủ tịch HĐQT,	120.000.000 đ
Ô. Nguyễn Tuấn Anh,	Ủy viên HĐQT	90.000.000 đ
Ô . Phạm Văn Thông,	Ủy viên HĐQT,	90.000.000 đ
Ô. Đỗ Văn Huân ,	Ủy viên HĐQT,	90.000.000 đ
Ô. Nguyễn Minh Ngọc,	Ủy viên HĐQT,	90.000.000 đ
B. Nguyễn Thị Kim Dung,	Trưởng ban KS,	57.000.000 đ
B . Nguyễn Thị Huệ,	Ủy viên ,	45.000.000 đ
Ô. Phạm Thế Nghĩa,	Ủy viên,	45.000.000 đ
TỔNG CỘNG		627.000.000 đ

3. Cơ cấu vốn cổ đông :

Cơ cấu cổ đông của Công ty được tổng hợp tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

TT	NHÓM CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG SỞ HỮU (CP)	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đại diện)	5.047.970	50,08
2	Vốn góp của cá nhân khác	4.569.820	45,34
3	Cổ phiếu quỹ	462.210	4,58
	TỔNG CỘNG	10.080.000	100,00

Trên đây là một số nét chính về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên.

Kính báo cáo.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP VẬN TẢI HÀ TIÊN



ĐỖ VĂN HOÀN

B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

ĐVT: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		245.782.711.176	186.232.077.473
(100=110+120+130+140+150)				
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.438.171.853	8.439.605.234
1-Tiền	111	V.01	5.438.171.853	439.605.234
2-Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	8.000.000.000
II.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	8.000.000.000	16.128.282.300
1-Đầu tư ngắn hạn	121		8.000.000.000	16.128.646.764
2-Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	(364.464)
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		171.948.605.338	111.147.618.256
1-Phải thu khách hàng	131		171.222.768.047	109.346.919.859
2-Trả trước cho người bán	132		536.209.392	5.000.000
3-Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4-Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5-Các khoản phải thu khác	135	V.03	286.105.899	1.904.176.397
6-Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(96.478.000)	(108.478.000)
IV.Hàng tồn kho	140		268.529.985	516.571.683
1-Hàng tồn kho	141	V.04	268.529.985	516.571.683
2-Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		50.127.404.000	50.000.000.000
1-Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2-Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3-Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4-Tài sản ngắn hạn khác	158		50.127.404.000	50.000.000.000
B-TÀI SẢN DÀI HẠN	200		104.292.181.421	110.491.106.544
(200=210+220+240+250+260)				
I.Các khoản phải thu dài hạn	210			
1-Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2-Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3-Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4-Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5-Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II.Tài sản cố định	220		99.645.521.421	94.546.346.544
1-Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	99.645.521.421	94.546.346.544

- Nguyên giá	222		147.219.337.022	134.238.368.064
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(47.573.815.601)	(39.692.021.520)
2-Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3-Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4-Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.558.000.000	15.944.760.000
1-Đầu tư vào công ty con	251			
2-Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3-Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	21.030.879.270	33.230.879.270
4-Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(16.472.879.270)	(17.286.119.270)
V.Tài sản dài hạn khác	260		88.660.000	
1-Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2-Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	88.660.000	
3-Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		350.074.892.597	296.723.184.017

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		88.695.102.974	40.563.335.672
I.Nợ ngắn hạn	310		88.292.102.974	40.563.335.672
1-Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	26.277.072.265	
2-Phải trả người bán	312		31.858.681.090	21.113.300.886
3-Người mua trả tiền trước	313			
4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3.799.740.599	4.539.637.787
5-Phải trả người lao động	315		8.995.020.107	5.853.844.486
6-Chi phí phải trả	316	V.17	11.262.577.018	5.975.105.535
7-Phải trả nội bộ	317			
8-Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318			
9-Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	2.273.738.296	503.044.243
10-Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11-Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	3.825.273.599	2.578.402.735
12-Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			

II.Nợ dài hạn	330		403.000.000	
1-Phải trả dài hạn người bán	331			
2-Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3-Phải trả dài hạn khác	333		403.000.000	
4-Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5-Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6-Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7-Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8-Doanh thu chưa thực hiện	338			
9-Quỹ phát triển khoa học & công nghệ	339			
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU 400=(410+430)	400		261.379.789.623	256.159.848.345
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.22	261.379.789.623	256.159.848.345
1-Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.800.000.000	100.800.000.000
2-Thặng dư vốn cổ phần	412		69.222.867.374	69.222.867.374
3-Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4-Cổ phiếu quỹ (*)	414		(3.663.270.042)	(3.663.270.042)
5-Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6-Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7-Quỹ đầu tư phát triển	417		57.192.956.399	43.177.778.793
8-Quỹ dự phòng tài chính	418		8.611.273.200	6.625.042.694
9-Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		29.215.962.692	39.997.429.526
11-Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1-Nguồn kinh phí	432	V.23		
2-Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		350.074.892.597	296.723.184.017

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1- Tài sản thuê ngoài	24		
2- Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3- Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4- Nợ khó đòi đã xử lý		86.130.626	86,130,626
5- Ngoại tệ các loại			
6- Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

2. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PP GIÁN TIẾP)

CHỈ TIÊU	MS	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI	
		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐ SX KD			
Lợi nhuận trước thuế	01	38.017.158.753	52.798.609.139
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.216.219.703	10.463.462.881
Các khoản dự phòng	03	-825.604.464	-1.095.320.000
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-12.646.571.092	-39.481.073.339
Chi phí lãi vay	06	75.191.755	
Lợi nhuận KD trước thay đổi vốn lưu động	08	36.836.394.655	22.685.678.681
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	-60.916.391.082	-48.048.416.970
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	248.041.698	16.669.663
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế thu nhập)	11	20.305.479.022	13.226.599.761
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		539.999.990
Tiền lãi vay đã trả	13	-75.191.755	
Thuế thu nhập đã nộp	14	-9.784.750.324	-12.900.669.343
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-2.316.331.136	-2.495.303.729
LƯU CHUYỂN TIỀN thuần từ hoạt động KD	20	-15.702.748.922	-26.975.441.947
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐ ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-17.484.513.800	-48.209.161.204
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	8.034.727.272	26.129.476.880
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-33.597.000.000	-40.740.000.000
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	53.925.211.860	83.702.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.781.397.944	13.664.790.901
LƯU CHUYỂN TIỀN thuần từ HĐ đầu tư	30	15.659.823.276	34.547.106.577
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HĐ TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		-307.708.188
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	26.277.072.265	
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-19.235.800.000	-9.617.790.000
LƯU CHUYỂN TIỀN thuần từ HĐ tài chính	40	7.041.492.265	-9.925.498.188
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.9983566.619	-2.353.833.558

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.439.605.234	10.793.438.792
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	15.438.171.853	8.439.605.234

3 KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	204.244.821.098	159.166.784.846
Trong đó: Doanh thu vận tải Thủy			199.485.023.946	148.761.344.761
Doanh thu vận tải Bộ			4.759.797.152	10.405.440.085
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	10		204.244.821.098	159.166.784.846
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	168.245.775.419	133.548.188.168
5. Lợi nhuận gộp (20=10 - 11)	20		35.999.045.679	25.618.596.678
6. Doanh thu HĐ tài chính	21	VI.26	4.781.397.944	13.664.790.901
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	-737.977.435	-1.083.577.262
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		75.191.755	
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.316.304.062	13.031.775.263
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		30.202.116.996	27.335.189.578
11. Thu nhập khác	31		8.034.727.272	26.129.476.880
12. Chi phí khác	32		219.685.515	313.194.442
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.815.041.757	25.816.282.438
14. Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)	50		38.017.158.753	53.151.472.016
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	10.087.095.475	13.426.861.904
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	88.660.000	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		28.018.723.278	39.724.610.112
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.913	4.130

4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

a. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	245.782.711.176	186.232.077.473
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	15.438.171.853	8.439.605.234
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	8.000.000.000	16.128.282.300
	- Tiền gửi ngắn hạn	8.000.000.000	16.128.000.000
	- Đầu tư mua cổ phiếu ngắn hạn		646.764
	- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(364.464)
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	171.948.605.338	111.147.618.256
4	Hàng tồn kho	268.529.985	516.571.683
5	Tài sản ngắn hạn khác	50.127.404.000	50.000.000.000
II	Tài sản dài hạn	104.292.181.421	110.491.106.544
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	99.645.521.421	94.546.346.544
	- Tài sản cố định hữu hình	99.645.521.421	94.546.346.544
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.558.000.000	15.944.760.000
	- Vốn góp liên doanh		
	- Đầu tư cổ phiếu dài hạn	21.030.879.270	33.230.879.270
	- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(16.472.879.270)	(17.286.119.270)
5	Tài sản dài hạn khác	88.660.000	
A	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (I+ II)	350.074.892.597	296.723.184.017
III	Nợ phải trả	88.695.102.974	40.563.335.672
1	Nợ ngắn hạn	88.292.102.974	40.563.335.672
2	Nợ dài hạn	403.000.000	-
IV	Vốn chủ sở hữu	261.379.789.623	256.159.848.345
1	Vốn chủ sở hữu	261.379.789.623	256.159.848.345
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.800.000.000	100.800.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	69.222.867.374	69.222.867.374
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ	(3.663.270.042)	(3.663.270.042)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	65.804.229.599	49.802.821.487

	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	29.215.962.692	39.997.429.526
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
B	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(III+IV)	350.074.892.597	296.723.184.017

b. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	204.244.821.098	159.166.784.846
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	204.244.821.098	159.166.784.846
4	Giá vốn hàng bán	168.245.775.419	133.548.188.168
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.999.045.679	25.618.596.678
6	Doanh thu hoạt động tài chính	4.781.397.944	13.664.790.901
7	Chi phí tài chính	(737.977.435)	(1.083.577.262)
8	Chi phí lãi vay NH	75.191.755	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.316.304.062	13.031.775.263
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30.202.116.996	27.335.189.578
11	Thu nhập khác	8.034.727.272	26.129.476.880
12	Chi phí khác	219.685.515	313.194.442
13	Lợi nhuận khác	7.815.041.757	25.816.282.438
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.017.158.753	53.151.472.016
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.087.095.475	13.426.861.904
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.018.723.278	39.724.610.112
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.913	4.130

C. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên (gọi tắt là Công ty)

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Dịch vụ và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; cung ứng và quản lý nguồn lao động.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

II KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm 2013 là năm tài chính thứ 14 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH:	SỐ NĂM
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-10 năm
Máy móc thiết bị	6 năm
Phương tiện vận tải bộ	6 năm
Phương tiện vận tải thuỷ	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này .

- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay:

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí phải trả, trích trước, chi phí sửa chữa lớn :

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.
- Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa TSCĐ. Nếu chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận cổ phiếu quỹ, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

- Tiền lãi và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được từ lợi ích kinh tế và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong năm, khi tỷ lệ cổ tức được công bố. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông có quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu, trích lập các quỹ:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế được các cổ đông đã đầu tư.

- Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận phần chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trong trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	19.414.115	52.244.710
Tiền gửi ngân hàng	5.418.757.738	387.360.524
Các khoản tương đương tiền	<u>10.000.000.000</u>	<u>8.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u><u>15.438.171.853</u></u>	<u><u>8.439.605.234</u></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn dưới ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và hưởng lãi suất bình quân 6,9% - 8,5%/năm.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy thác đầu tư (i)	8.000.000.000	16.128.000.000
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	<u>-</u>	<u>646.764</u>
TỔNG CỘNG	<u>8.000.000.000</u>	<u>16.128.646.764</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	<u>-</u>	<u>(364.464)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u><u>8.000.000.000</u></u>	<u><u>16.128.282.300</u></u>

(i) Số dư này thể hiện khoản ủy thác cho Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng đầu tư, có kỳ hạn trên ba tháng với lãi suất 7%/năm.

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	171.222.768.047	109.346.919.859
Trong đó:		
Bên liên quan	154.590.439.132	101.638.007.970
Các bên thứ ba	16.632.328.915	7.708.911.889
Trả trước cho người bán	536.209.392	5.000.000
Trong đó:		
Các bên thứ ba	536.209.392	-
Bên liên quan	-	5.000.000
Các khoản phải thu khác	286.105.899	1.904.176.397
Trong đó:		
Các bên thứ ba	286.105.899	174.814.618
Các bên liên quan	-	1.729.361.779
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(96.478.000)</u>	<u>(108.478.000)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>171.948.605.338</u>	<u>111.147.618.256</u>

4. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhiên liệu, vật liệu	246.875.575	484.828.590
Công cụ, dụng cụ	<u>21.654.410</u>	<u>31.743.093</u>
TỔNG CỘNG	<u>268.529.985</u>	<u>516.571.683</u>

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ cho bên liên quan	50.000.000.000	50.000.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	<u>127.404.000</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>50.127.404.000</u>	<u>50.000.000.000</u>

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ			
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện VT đường thủy</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	2.342.306.294	129.891.127.155	2.004.934.615	134.238.368.064
Mua mới trong năm	-	17.381.013.800	103.500.000	17.484.513.800
Thanh lý	-	(3.997.566.489)	(82.457.843)	(4.080.024.332)
Phân loại lại	(33.337.768)	-	(390.182.742)	(423.520.510)
Số cuối năm	<u>2.308.968.526</u>	<u>143.274.574.466</u>	<u>1.635.794.030</u>	<u>147.219.337.022</u>
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	2.308.968.526	4.889.720.022	1.157.378.173	8.356.066.721
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(2.342.306.294)	(35.550.313.159)	(1.799.402.067)	(39.692.021.520)
Khấu hao trong năm	-	(12.102.161.935)	(114.057.768)	(12.216.219.703)
Thanh lý	-	3.997.566.489	82.457.843	4.080.024.332
Phân loại lại	33.337.768	-	221.063.522	254.401.290
Số cuối năm	<u>(2.308.968.526)</u>	<u>(43.654.908.605)</u>	<u>(1.609.938.470)</u>	<u>(47.573.815.601)</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	-	94.340.813.996	205.532.548	94.546.346.544
Số cuối năm	-	<u>99.619.665.861</u>	<u>25.855.560</u>	<u>99.645.521.421</u>
Trong đó:				
Tài sản sử dụng để thế chấp		82.613.185.976	-	82.613.185.976

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác (i)	20.990.879.270	20.990.879.270
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	<u>40.000.000</u>	<u>12.240.000.000</u>
TỔNG CỘNG	21.030.879.270	33.230.879.270
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>(16.472.879.270)</u>	<u>(17.286.119.270)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>4.558.000.000</u>	<u>15.944.760.000</u>

(i) Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VNĐ	Số lượng	Giá trị VNĐ
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	903.600	20.990.879.270	903.600	20.990.879.270
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		<u>(16.472.879.270)</u>		<u>(17.286.119.270)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN		<u>4.518.000.000</u>		<u>3.704.760.000</u>

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên một năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương với lãi suất 9%/năm.

8. VAY NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	<u>26.277.072.265</u>	-

Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và số dư vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	<u>26.277.072.265</u>	6 tháng kể từ ngày rút vốn	7-7,3	25 sà lan với giá trị còn lại 82.613.185.976

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm	VNĐ
Phải trả các bên thứ ba	31.858.681.090	21.097.668.637	
Phải trả bên liên quan	-	15.632.249	
TỔNG CỘNG	31.858.681.090	21.113.300.886	

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm	VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 22.1)	2.452.315.660	2.149.970.509	
Thuế giá trị gia tăng	884.046.922	2.196.867.278	
Thuế thu nhập cá nhân	463.378.017	192.800.000	
TỔNG CỘNG	3.799.740.599	4.539.637.787	

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm	VNĐ
Chi phí vận chuyển	8.754.978.945	5.330.665.461	
Chi phí nhiên liệu	2.085.223.454	403.357.500	
Chi phí khác	422.374.619	241.082.574	
TỔNG CỘNG	11.262.577.018	5.975.105.535	

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm	VNĐ
Phải trả bên liên quan	1.505.447.586	-	
Kinh phí công đoàn	333.273.085	404.174.243	
Phải trả khác	435.017.625	98.870.000	
TỔNG CỘNG	2.273.738.296	503.044.243	

13. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm	VNĐ
Dự phòng trợ cấp thôi việc	403.000.000	-	

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu:

							VNĐ
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	100.800.000.000	69.222.867.374	(3.355.561.854)	34.863.778.793	5.469.400.471	23.276.316.747	230.276.801.531
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	39.724.610.112	39.724.610.112
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(9.617.790.000)	(9.617.790.000)
Trích lập quỹ Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	8.314.000.000	1.155.642.223	(13.032.844.456)	(3.563.202.233)
Giảm khác	-	-	(307.708.188)	-	-	-	(307.708.188)
Số cuối năm	<u>100.800.000.000</u>	<u>69.222.867.374</u>	<u>(3.663.270.042)</u>	<u>43.177.778.793</u>	<u>6.625.042.694</u>	<u>39.997.429.526</u>	<u>256.159.848.345</u>
Năm nay							
Số đầu năm	100.800.000.000	69.222.867.374	(3.663.270.042)	43.177.778.793	6.625.042.694	39.997.429.526	256.159.848.345
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	28.018.723.278	28.018.723.278
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(19.235.580.000)	(19.235.580.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	14.015.177.606	1.986.230.506	(19.564.610.112)	(3.563.202.000)
Số cuối năm	<u>100.800.000.000</u>	<u>69.222.867.374</u>	<u>(3.663.270.042)</u>	<u>57.192.956.399</u>	<u>8.611.273.200</u>	<u>29.215.962.692</u>	<u>261.379.789.623</u>

14.2. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	10.080.000	10.080.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	10.080.000	10.080.000
Cổ phiếu quỹ	(462.210)	(462.210)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.617.790	9.617.790

14.3. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế (VNĐ)	28.018.723.278	39.724.610.112
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	<u>9.617.790</u>	<u>9.618.201</u>
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ)	<u>2.913</u>	<u>4.130</u>

15. DOANH THU

15.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	<u>204.244.821.098</u>	<u>159.166.784.846</u>
Trong đó:		
Doanh thu vận tải đường thủy	199.485.023.946	148.761.297.425
Doanh thu vận tải đường bộ	4.759.797.152	10.405.487.421

15.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	4.781.388.009	13.664.766.501
Cổ tức được chia	<u>9.935</u>	<u>24.400</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.781.397.944</u>	<u>13.664.790.901</u>

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	75.191.755	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(813.604.464)	(1.084.320.000)
Khác	435.274	742.738
TỔNG CỘNG	<u>(737.977.435)</u>	<u>(1.083.577.262)</u>

17. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	8.034.727.272	26.129.476.880
Thanh lý tài sản cố định	8.034.727.272	26.129.476.880
Chi phí khác	(219.685.515)	(313.194.442)
Phạt vi phạm hành chính	(219.685.515)	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	(313.194.442)
THU NHẬP THUẦN	<u>7.815.041.757</u>	<u>25.816.282.438</u>

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhiên liệu và vật liệu	26.014.399.617	19.993.056.193
Chi phí nhân công	34.916.711.656	28.674.764.238
Chi phí khấu hao tài	12.216.219.703	10.463.462.881
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.292.419.047	79.127.129.487
Chi phí khác	3.085.531.583	8.321.550.632
TỔNG CỘNG	<u>183.525.281.606</u>	<u>146.579.963.431</u>

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

19.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	38.017.158.753	53.151.472.016
Các điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	738.685.515	556.000.000
Cổ tức	(9.935)	(24.400)
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	403.000.000	-
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	<u>39.158.834.333</u>	<u>53.707.447.616</u>
Chi phí thuế TNDN ước tính	9.789.708.583	13.426.861.904
Thuế TNDN trích thiếu của các năm trước	297.386.892	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.149.970.509	1.623.777.948
Thuế TNDN đã nộp trong năm	<u>(9.784.750.324)</u>	<u>(12.900.669.343)</u>
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>2.452.315.660</u>	<u>2.149.970.509</u>

19.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng trợ cấp thôi việc	<u>88.660.000</u>	-	<u>88.660.000</u>	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>88.660.000</u>	-		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			<u>88.660.000</u>	-

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN:

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong năm bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ
			Giá trị
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	168.988.160.800
		Chi phí tiện ích	224.299.060
		Lãi từ khoản ký quỹ	1.631.944.444
Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam	Bên liên quan	Phí tư vấn	47.052.635
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Bên liên quan	Lãi ủy thác đầu tư	608.900.444
		Doanh thu quản lý	403.016.864
Công ty cổ phần Xi măng Hải Phòng	Bên liên quan	Chi phí quảng cáo	500.000.000

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ
			Phải thu (Phải trả)
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	154.446.695.723
		Doanh thu quản lý	143.743.409
			154.590.439.132
Ký quỹ ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Ký quỹ	50.000.000.000
Đầu tư TC ngắn hạn			
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Bên liên quan	Ủy thác đầu tư	8.000.000.000
Phải trả khác			
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Bên liên quan	Nhận tạm ứng	(1.505.447.586)

21. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	82.147.140	82.147.140
Từ 1 – 5 năm	328.588.560	328.588.560
Trên 5 năm	<u>171.139.875</u>	<u>253.287.015</u>
TỔNG CỘNG	<u><u>581.875.575</u></u>	<u><u>664.022.715</u></u>

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty: VNĐ

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Cổ phiếu niêm yết	20.990.879.270	(16.472.879.270)	20.991.526.034	(17.286.483.734)	4.518.000.000	3.705.042.300
Phải thu bên liên quan	154.590.439.132	-	103.367.369.749	-	154.590.439.132	103.367.369.749
Ký quỹ cho bên liên quan	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.438.171.853	-	8.439.605.234	-	15.438.171.853	8.439.605.234
Tiền gửi có kỳ hạn và ủy thác đầu tư	8.040.000.000	-	28.368.000.000	-	8.040.000.000	28.368.000.000
Phải thu các bên thứ ba	16.918.434.814	-	7.883.726.507	-	16.918.434.814	7.883.726.507
Tổng cộng	265.977.925.069	(16.472.879.270)	219.050.227.524	(17.286.483.734)	249.505.045.799	201.763.743.790

VNĐ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Nợ phải trả tài chính			
Phải trả bên liên quan	1.505.447.586	15.632.249	1.505.447.586	15.632.249
Phải trả người bán	31.858.681.090	21.097.668.637	31.858.681.090	21.097.668.637
Các khoản phải trả khác	12.030.867.728	6.478.149.778	12.030.867.728	6.478.149.778
Tổng cộng	45.394.996.404	27.591.450.664	45.394.996.404	27.591.450.664

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác Tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM:

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

Trên đây là một số nét chính về thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty.

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ THU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN MINH HUY



